

Số: 114/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 11 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm;

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 38/2019/TT-BTC ngày 28 năm 6 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2020-2022; kế hoạch tài chính 05 năm tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Xét Báo cáo số 680/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc đánh giá thực hiện ngân sách nhà nước 05 năm 2016-2020 và định hướng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

phl

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 tỉnh Đắk Nông (có kế hoạch và phụ biểu kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

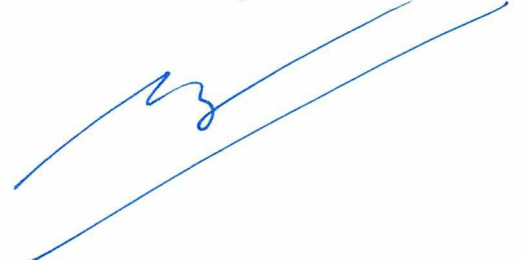
Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa III, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- UB Tài chính - Ngân sách Quốc hội;
- Bộ Tài chính; Bộ KH&ĐT;
- Ban Công tác đại biểu - UBND tỉnh;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh; UBND TTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Đắk Nông; Báo Đắk Nông;
- Đài PTTH tỉnh; Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, TH, HC-TC-QT, HSKH.

plh

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Quang BKrông

CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn trước	Thực hiện giai đoạn trước					Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	
			Tổng giai đoạn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		Năm 2020
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
A	TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GRDP) THEO GIÁ HIỆN HÀNH	34.971		22.972	26.241	29.141	30.110	33.038	48.228
B	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.101	11.531	1.741	2.060	2.372	2.657	2.700	18.423
	Tốc độ tăng thu NSNN trên địa bàn (%)	>12%	12,3	14,2	18,3	15,1	12,0	1,6	12
	Tỷ lệ thu NSNN so với GRDP (%)	14-15%	8,1	7,6	7,9	8,1	8,8	8,2	
	Tỷ lệ thu từ thuế, phí so với GRDP (%)								
I	Thu nội địa		10.667	1.626	1.867	2.189	2.473	2.512	
	Tốc độ tăng thu (%)		12,3	14,9	14,9	17,2	13,0	1,6	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	95-98%	92%	93%	91%	92%	93%	93%	
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất		1.570	195	217	321	316	520	
	Thu xổ số kiến thiết		96	18	17	18	24	20	
II	Thu từ dầu thô (nếu có)								
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)		654	21	128	173	161	170	
	Tốc độ tăng thu (%)		99	(54)	514	34	-7	5	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		5,4%	1,2%	6,2%	7,3%	6,1%	6,3%	
IV	Thu viện trợ (nếu có)		4,40	1,91	2,49				
	Tốc độ tăng thu (%)								
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)								
C	TỔNG THU NSDP		32.225	5.052	5.976	6.916	6.958	7.323	
	Tốc độ tăng thu NSDP (%)		9,1	5,5	18,3	15,7	0,6	5,2	
	Tỷ lệ thu NSDP so với GRDP (%)		23%	22%	23%	24%	23%	22%	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp		9.792	1.589	1.713	2.035	2.158	2.296	
	Tốc độ tăng (%)		11,1	16,5	7,8	18,8	6,1	6,4	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		30%	31%	29%	29%	31%	31%	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		22.433	3.462	4.263	4.881	4.800	5.027	
	Tốc độ tăng (%)		8,4	1,2	23,1	14,5	-1,7	4,7	
	Tỷ trọng trong tổng thu NSDP (%)		70%	69%	71%	71%	69%	69%	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách		15.483	3.060	3.060	3.060	3.121	3.183	
-	Thu bổ sung có mục tiêu		6.951	403	1.203	1.822	1.679	1.844	
D	TỔNG CHI NSDP		31.289	30.486	5.289	5.620	5.833	6.519	41.305
	Tốc độ tăng chi NSDP (%)	11%	5,6	-4,9	6,2	3,8	11,8	10,8	5
	Tỷ lệ chi NSDP so với GRDP (%)		22%	23%	21%	20%	22%	22%	
I	Chi đầu tư phát triển (1)		8.529	1.399	1.561	1.513	1.983	2.073	
	Tốc độ tăng (%)		16,2	36,8	11,6	-3,1	31,1	4,5	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	25-26%	28%	26%	28%	26%	30%	29%	
II	Chi thường xuyên		20.848	3.665	3.891	4.230	4.128	4.934	
	Tốc độ tăng (%)		6,6	1,0	6,2	8,7	-2,4	19,5	
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)	<64%	69%	69%	69%	73%	63%	68%	
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay							0,9	7
	Tốc độ tăng (%)								
	Tỷ trọng trong tổng chi NSDP (%)								
E	BỘI CHI/BỘI THU NSDP			95,962	104,522	74,588	32,485	25,377	
G	TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSDP								
I	Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSDP			318	343	407	432	459	
II	Mức dư nợ đầu kỳ (năm)			362,257	266,295	161,773	87,185	54,7	
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)				78%	40%	20%	12%	
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với GRDP (%)				1,0%	0,6%	0,3%	0,2%	
III	Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)			114,524	104,522	89,523	48,723	23,527	
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			18,562		14,935	16,238	23,527	
-	Từ nguồn bồi thu NSDP, tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh			95,962	104,522	74,588	32,485		
IV	Tổng mức vay trong kỳ (năm)			18,562	-	14,935	16,238	48,904	
-	Vay để bù đắp bội chi						16,238	25,377	
-	Vay để trả nợ gốc			18,562		14,935		23,527	
V	Mức dư nợ cuối kỳ (năm)			266,295	161,773	87,185	54,7	80,077	
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSDP (%)				47%	21%	13%	17%	
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với GRDP (%)				0,6%	0,3%	0,2%	0,2%	

Ghi chú: (1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Cột 8 không chi tiết từng năm.

KẾ HOẠCH
TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 CỦA TỈNH ĐẮK NÔNG
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐND ngày 11/2/2020
của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

Công tác tài chính - ngân sách tỉnh Đắk Nông nhìn chung đã có những bước phát triển, quy mô ngân sách liên tục tăng. Trong điều kiện kinh tế khó khăn, chính sách tài khóa đã phát huy vai trò tích cực, chủ động cả trong điều chỉnh chính sách thu và chính sách chi ngân sách, qua đó góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thu hút các dòng vốn đầu tư mới, thúc đẩy tái cơ cấu nền kinh tế, cải thiện mạnh mẽ hạ tầng giao thông, thủy lợi, đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, đồng thời mở rộng diện và nâng cao mức đảm bảo an sinh xã hội. Chi ngân sách địa phương được kiểm soát chặt chẽ, triệt để tiết kiệm; ưu tiên nguồn lực để trả nợ vay, tăng chi đầu tư phát triển. Chi ngân sách giai đoạn này cơ bản đáp ứng được các yêu cầu cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế, cải thiện môi trường đầu tư, đảm bảo an sinh xã hội, giữ vững an ninh - quốc phòng, đối ngoại.

Tuy nhiên, nhìn chung cơ cấu thu ngân sách chưa thực sự hợp lý và thiếu tính bền vững; nguồn thu ngân sách của tỉnh còn phụ thuộc nhiều vào các khoản thu không có khả năng tái tạo như tài nguyên thiên nhiên. Tỷ trọng thu ngân sách từ các sắc thuế gắn trực tiếp với sản xuất - kinh doanh như thuế thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, giá trị gia tăng... trong tổng thu ngân sách nhà nước đang có xu hướng tăng lên nhưng cơ cấu thu từ các doanh nghiệp thuộc khu vực ngoài quốc doanh có xu hướng giảm, cho thấy dư địa ngân sách ngày càng hạn chế và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp chưa cao.

Quy mô chi ngân sách nhà nước chỉ mới đáp ứng nhu cầu chi tối thiểu của nhiều ngành, lĩnh vực. Cân đối ngân sách địa phương ngày càng khó khăn hơn do nguồn thu còn thấp so với nhiệm vụ chi, ngân sách tỉnh còn phụ thuộc nhiều vào sự hỗ trợ từ ngân sách trung ương; nhu cầu chi đầu tư phát triển vẫn còn rất lớn. Tỷ trọng huy động ngân sách từ nền kinh tế có xu hướng giảm, tạo sức ép bố trí chi ngân sách nhà nước, đặc biệt là chi đảm bảo các chế độ chính sách an sinh xã hội và tăng chi đầu tư phát triển hằng năm. Trung ương vẫn nắm vai trò chủ đạo trong quản lý, điều hành ngân sách, vì vậy sự chủ động trong quản lý ngân sách của địa phương chưa cao.

I. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đắk Nông lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết nghị thông

qua Kế hoạch phát triển - kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông. Một số chỉ tiêu chủ yếu cụ thể như sau:

1. Về kinh tế - hạ tầng:

a) Tăng trưởng kinh tế (GRDP): Bình quân từ 7,5-8% (trong đó: KV1 đạt 4,5%; KV2 đạt 13,36%, KV3 đạt 7,55%; KV4 đạt 9,74%). GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 trên 70 triệu đồng.

b) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: Tăng bình quân trên 15%/năm; tỷ trọng chiếm từ 35-40% so với GRDP.

c) Thu ngân sách: Đạt trên 18,4 ngàn tỉ đồng, tốc độ tăng bình quân 12%/năm.

d) Kết cấu hạ tầng: Tỷ lệ nhựa hóa chung đường tỉnh 73%; tỷ lệ đô thị hóa 33%; tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99%; tỷ lệ bảo đảm nước tưới cho diện tích cần tưới 85%;

2. Về văn hóa - xã hội và môi trường:

a) Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 90.000 lượt người, đào tạo nghề cho trên 20.000 người; 14,8% người lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Giảm nghèo: Bình quân hằng năm giảm tỷ lệ hộ nghèo 2%, riêng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ giảm từ 4% trở lên theo chuẩn nghèo 2021-2025.

c) Y tế: Đạt 21 giường bệnh/vạn dân; 8,9 bác sĩ/vạn dân; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế toàn dân.

d) Giáo dục: Tăng thêm hơn 50 trường đạt chuẩn quốc gia.

đ) Văn hóa: Phấn đấu 60% xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới; phường, thị trấn văn minh đô thị.

e) Môi trường: Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh công tác trồng rừng, nâng tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40% vào năm 2025.

g) Nông thôn mới: Lũy kế có 43 xã đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó có 12 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); bình quân mỗi xã đạt 17,2 tiêu chí.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát:

Mục tiêu tổng quát là chủ đề của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025, cụ thể: Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng bộ; xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy ý chí, khát vọng vươn lên của các dân tộc; khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, đưa Đắk Nông phát triển nhanh, bền vững; giữ vững quốc phòng, an ninh; phấn đấu trở thành tỉnh trung bình khá vào năm 2025 và tỉnh phát triển khá vào năm 2030 của vùng Tây Nguyên.

Bên cạnh đó, tiếp tục huy động, phân phối, quản lý, sử dụng các nguồn lực tài chính hiệu quả, công bằng theo các yêu cầu và định hướng phát triển kinh tế -

pld

xã hội; từng bước cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tiếp tục ưu tiên đầu tư hợp lý cho con người và giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, cải thiện môi trường sống; đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác quản lý, giám sát tài chính, đảm bảo an toàn nợ công.

2. Mục tiêu cụ thể:

a. Phân đầu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2021-2025 đạt trên 18.423 tỷ đồng (tốc độ tăng thu quân đạt 12%/năm).

b. Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 đạt trên 41.305 tỷ đồng (tốc độ tăng chi bình quân đạt 5%/năm).

III. Khung về tài chính - ngân sách của địa phương

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Cập nhật các yếu tố dự kiến làm tăng/giảm thu ngân sách nhà nước do điều chỉnh chính sách thu, bổ sung mở rộng cơ sở tính thuế, tăng cường quản lý thu, triển khai thực hiện về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan theo cam kết hội nhập, động viên từ khu vực kinh tế phi chính thức...; các yếu tố thay đổi về năng lực đầu tư, phát triển sản xuất - kinh doanh và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, các yếu tố tác động của quá trình hội nhập quốc tế...; tác động thu ngân sách từ việc điều chỉnh giá, phí các dịch vụ sự nghiệp theo lộ trình kết cấu đủ chi phí vào giá dịch vụ sự nghiệp công, chỉ tổng hợp vào dự toán thu ngân sách nhà nước phần phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước; đối với khoản thu học phí, giá dịch vụ y tế, dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, tuy nhiên phải lập kế hoạch thu và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định.

- Thu và cơ cấu thu ngân sách trên địa bàn phù hợp với các dự kiến trình cấp có thẩm quyền về định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong cùng kỳ; tốc độ tăng thu nội địa (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, thu cổ tức, lợi nhuận còn lại) duy trì ở mức hợp lý, phù hợp với tăng trưởng kinh tế, lạm phát và khả năng điều chỉnh chính sách. Mức tăng thu cụ thể của từng huyện, thành phố có thể cao hơn hoặc thấp hơn mức bình quân chung, tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng huyện, thành phố.

- Dự toán nguồn thu xổ số kiến thiết được sử dụng toàn bộ cho chi đầu tư phát triển, trong đó ưu tiên bố trí đầu tư lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới, công trình ứng phó với biến đổi

PKB

khí hậu và các công trình phúc lợi xã hội khác theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Dự toán nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng trên cơ sở kế hoạch sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất; đồng thời, lập phương án bố trí chi đầu tư phát triển từ khoản thu tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Chi ngân sách địa phương:

Đảm bảo ưu tiên bố trí đủ kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ đã được ban hành và cam kết chi; bố trí theo thứ tự ưu tiên để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trọng tâm của địa phương, trong phạm vi khả năng nguồn lực từng năm của giai đoạn 2021-2025. Trong đó:

a) Việc lập kế hoạch chi đầu tư phát triển căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; gắn với việc thực hiện các mục tiêu chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực, các định hướng đổi mới, phát triển nền kinh tế hàng năm và giai đoạn, phù hợp với định hướng tiếp tục cơ cấu lại ngân sách và nợ công giai đoạn 2021-2030.

b) Xây dựng kế hoạch chi thường xuyên bảo đảm triển khai đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ hiện hành; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; theo từng lĩnh vực; gắn với việc triển khai thực hiện cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để đảm bảo nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững.

c) Lập kế hoạch bội chi/bội thu, vay và trả nợ của ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị định số 45/2017/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 69/2017/TT-BTC và Thông tư số 71/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, đảm bảo mức dư nợ vay của địa phương vào thời điểm cuối từng năm không vượt giới hạn theo quy định.

3. Cân đối ngân sách địa phương:

Dự toán chi cân đối ngân sách địa phương năm 2021 được xác định bằng dự toán Trung ương giao. Đối với các năm tiếp theo, dự toán chi cân đối ngân sách địa phương được bố trí tăng tương ứng với số tăng thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp.

Bên cạnh đó, căn cứ nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ để hoàn thành nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, đối ngoại và cân đối ngân sách địa phương, đề nghị ngân sách trung ương tiếp tục bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chế độ, chính sách, nhiệm vụ phát sinh theo quy định.

IV. Dự báo rủi ro tác động đến thu, chi, cân đối ngân sách địa phương và các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025

phh

1. Dự báo rủi ro tác động đến thu, chi, cân đối ngân sách địa phương:

a) Về thu ngân sách nhà nước:

- Giai đoạn 2021-2025, dự báo tình hình tài chính ngân sách tỉnh Đắk Nông sẽ đối mặt với một số thử thách nhất định như tăng trưởng kinh tế còn khó khăn, giá cả nông sản biến động khó lường, các khoản thu có tính chất một lần như thu tiền sử dụng đất giảm, năng suất phát điện của các nhà máy thủy điện phụ thuộc vào diễn biến của thời tiết.

- Thu ngân sách gặp khó khăn trong ngắn hạn khi thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tiếp tục giảm theo lộ trình; thực hiện cắt giảm thuế suất thuế nhập khẩu theo các cam kết quốc tế,... Theo đó, tác động từ các ưu đãi về thuế sẽ làm giảm thu nội địa và việc cắt giảm thuế nhập khẩu, miễn thuế xuất khẩu đối với sản phẩm Alumin trong thời gian tới sẽ ảnh hưởng tới số thu ngân sách nhà nước trên địa bàn.

- Tình hình thiên tai, dịch bệnh tiếp tục diễn biến bất thường, khó dự báo.

b) Về chi ngân sách địa phương:

- Nhìn chung kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh chưa đồng bộ, giá trị gia tăng trong sản xuất chưa cao nên nguồn vốn đầu tư hạn chế trong khi nhu cầu chi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội là rất lớn, nhất là khoản chi cho giáo dục, y tế; đối tượng chính sách và hỗ trợ vùng cao, vùng sâu và miền núi.

- Trong điều kiện địa phương chưa tự cân đối, còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, dẫn đến việc tập trung nguồn lực để tăng chi đầu tư phát triển còn nhiều khó khăn, Quy mô chi ngân sách nhà nước tăng khá cao nhưng chủ yếu là thực hiện các chính sách xã hội và tăng lương cơ sở theo lộ trình do Trung ương hỗ trợ, tính chủ động của ngân sách địa phương còn hạn chế.

- Để tăng chi đầu tư phát triển thì nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là rất quan trọng, đây là nguồn thu không phân chia, ngân sách địa phương được hưởng 100%. Tuy nhiên, hiện nay các số thu này còn thấp.

2. Các giải pháp tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025:

Căn cứ đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và những thách thức được dự báo nêu trên, để hoàn thành kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Đắk Nông, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2025, cần tiếp tục tập trung cơ cấu lại ngân sách nhà nước, nghiêm túc triển khai thực hiện ý kiến chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương hàng năm, công tác quản lý tài chính - ngân sách của địa phương, trong đó cần lưu ý một số nội dung sau:

a) Đối với thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

- Huy động từ nguồn thu thuế và phí ở mức hợp lý, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tăng tích lũy và nâng cao khả năng cạnh tranh, rà soát các nguồn thu để bù đắp số giảm thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu do tác động từ việc cắt giảm thuế quan theo các cam kết hội nhập quốc tế, tăng cơ cấu thu nội địa ở mức phù hợp nhằm tăng cường sự bền vững thu ngân sách nhà nước cả về quy mô và cơ cấu.

- Cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh; phát triển kinh tế tư nhân; khuyến khích đầu tư, cạnh tranh lành mạnh, tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nhà đầu tư, kinh doanh.

- Hoàn thiện công tác quản lý thu, thanh tra, kiểm tra; ngăn chặn tình trạng chuyển giá, trốn lậu thuế; phân loại đối tượng nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ pháp luật thuế và cung cấp các dịch vụ phù hợp.

- Trong khai thác, cho thuê, nhượng bán tài sản, tài nguyên của tỉnh cần phải dành kinh phí thỏa đáng để nuôi dưỡng, tái tạo và phát triển; đẩy mạnh các biện pháp quản lý thu đối với các khoản thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, tài nguyên khoáng sản...

- Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế phản ánh năng lực hoạt động của nền kinh tế và có quan hệ mật thiết với thu ngân sách nhà nước nên khi tăng trưởng kinh tế không đạt kế hoạch cũng ảnh hưởng tới số thu ngân sách nhà nước, do đó đặt ra yêu cầu về thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thì mới có cơ sở để tăng thu ngân sách, góp phần hoàn thành mục tiêu thu ngân sách nhà nước đề ra.

b) Đối với quản lý chi ngân sách địa phương:

- Phân phối ngân sách nhà nước được gắn kết với các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, trong khuôn khổ kế hoạch tài chính trung và dài hạn, cũng như của từng ngành, từng lĩnh vực. Cơ cấu chi ngân sách nhà nước được đổi mới, đảm bảo tập trung cho những mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước nhằm duy trì và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, cải cách tiền lương, an sinh xã hội, an ninh quốc phòng...

- Tăng cường quyền hạn và trách nhiệm của các cấp, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trong lập dự toán, quản lý và sử dụng ngân sách, đồng thời với việc thực hiện công khai, minh bạch ngân sách, tăng cường trách nhiệm giải trình; thực hiện có hiệu quả kế hoạch tinh giản biên chế, hoàn thiện bộ máy, sử dụng nguồn vốn ngân sách; từng bước quản lý ngân sách theo kết quả thực hiện nhiệm vụ song song với việc tăng cường quản lý chuẩn mực, chất lượng dịch vụ.

- Triển khai toàn diện, đồng bộ các chế định pháp lý của quá trình đầu tư, từ việc chuẩn bị dự án, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư, theo dõi, kiểm tra, đánh giá, thanh tra theo quy định của Luật Đầu tư công; tăng cường kiểm soát khâu chuẩn bị đầu tư, nhất là việc lập báo cáo đề xuất và phê duyệt chủ trương đầu tư; kiên quyết khắc phục tình trạng chuẩn bị sơ sài và quyết định chủ trương đầu tư một cách cảm tính, gây

pho

lãng phí, thất thoát, kém hiệu quả; phải thẩm định làm rõ nguồn vốn và khả năng cần đối vốn cho từng dự án cụ thể, bảo đảm dự án được phê duyệt có đủ nguồn lực tài chính để thực hiện.

- Việc sắp xếp, sáp nhập, giải thể các cơ quan, đơn vị cần được đánh giá toàn diện về tổ chức bộ máy, biên chế, cơ chế tài chính, tác động đến việc quản lý nhà nước, tác động đến người thụ hưởng dịch vụ công,... để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho đơn vị sự nghiệp trong việc tổ chức công việc, sắp xếp lại bộ máy, sử dụng lao động và nguồn lực tài chính để hoàn thành nhiệm vụ được giao; phát huy mọi khả năng của đơn vị để cung cấp dịch vụ với chất lượng cao cho xã hội; tăng nguồn thu, nhằm từng bước giải quyết thu nhập cho người lao động. Thực hiện chủ trương xã hội hóa trong việc cung cấp dịch vụ cho xã hội, huy động sự đóng góp của cộng đồng xã hội để phát triển các hoạt động sự nghiệp, từng bước giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước.

- Tình trạng dàn trải, manh mún của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cần được khắc phục trên cơ sở thực hiện rà soát tổng thể các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hiện hành. Các quỹ hoạt động kém hiệu quả phải thực hiện giải thể, các quỹ tài chính có chức năng, nhiệm vụ tương tự nhau cần được hợp nhất để tập trung nguồn lực. Đồng thời, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định về chế độ báo cáo công khai, minh bạch đối với các hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; trách nhiệm và quyền hạn của các ngành, các cấp trong việc thành lập, sử dụng quỹ và báo cáo tình hình thu, chi của từng loại quỹ.

- Các khoản nợ công được cơ cấu lại theo hướng tăng các khoản vay trung, dài hạn, ưu tiên tập trung đầu tư vào các dự án lớn về kết cấu hạ tầng; loại bỏ các dự án đầu tư sử dụng vốn vay không còn phù hợp với điều kiện, tiêu chí về hiệu quả kinh tế và khả năng trả nợ.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Y Quang B Krông

rlk